

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN H  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 03/11/2021  
V/v: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi  
con khi ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H – THÀNH PHỐ H**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng T

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Trần Thị M

2. Bà Phạm Thị T

*Thư ký phiên tòa:* Bà Vi Thanh H - Thư ký tòa án nhân dân quận H.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị T -  
Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H xét xử công khai sơ  
thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 786/2020/TLST–HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm  
2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử  
số 34/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số  
70/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21/7/2021; Thông báo thời gian địa điểm mở lại phiên tòa  
ngày 14/10/2021, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thu H – sinh năm 1989

HKTT: Xóm 10 Z129, xã Đ, huyện Y, tỉnh T.

Nơi cư trú: Tòa HH03, chung cư E, 32 Đ. T, phường Đ, quận H, thành phố H N.  
Có mặt.

\* Bị đơn : Anh Lưu Trung T – sinh năm 1986

HKTT: Thôn K, thị trấn T, huyện L, tỉnh B.

Nơi cư trú: Tòa HH03, chung cư E, 32 Đ. T, phường Đ, quận H, thành phố H N.  
Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản tố tụng khác tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thu H trình bày:*

Chị và anh Lưu Trung T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện L, tỉnh B vào ngày 12/10/2015, đây là lần kết hôn thứ nhất của cả hai anh chị. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chuyển lên H sinh sống và làm việc. Quá trình chung sống được một năm đầu thì cuộc sống của hai vợ chồng bình thường, không có mâu thuẫn gì lớn. Đến năm 2016 bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn lớn, cả hai cùng nóng tính nên đã xảy ra xô xát, không thể chia sẻ mọi chuyện được với nhau, do quan điểm sống quá khác biệt khó có thể dung hòa, vợ chồng không quan tâm đến nhau và đã sống ly thân từ tháng 6/2017. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Tiến.

- Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Lưu T. M, sinh ngày 18/9/2016. Khi cháu M được 15 tháng tuổi do chị và anh T chưa có điều kiện chăm sóc con nên anh chị đã gửi con về ở với bố mẹ chị ở Tuyên Quang chăm sóc, trong thời gian con ở với ông bà ngoại chị có đi về chăm sóc cháu thường xuyên vào cuối tuần. Thời gian gần đây chị cũng định đưa con ra ở cùng nhưng vì dịch Covid nên chưa đưa ra được. Hiện nay chị đang làm kế toán trưởng của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu T. G với mức thu nhập trên 27 triệu đồng/tháng, bản thân anh T do công việc kinh doanh thường xuyên phải đi công tác, không có nhiều thời gian để chăm sóc con, hơn nữa cháu còn nhỏ cần đến sự chăm sóc của mẹ hơn nên khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung (tài sản là động sản và bất động sản): Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Bản tự khai, biên bản hòa giải và các văn bản tố tụng khác tại Tòa án, bị đơn anh Lưu Trung T đã trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện L, tỉnh B vào ngày 12/10/2015, đây là lần kết hôn thứ nhất của cả hai. Anh T xác nhận quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn rất trầm trọng và kéo dài từ năm 2017 đến năm 2020, xuất

phát nguyên nhân do một số quan điểm sống, lỗi chủ yếu là do anh T, những lúc bức xúc anh không kìm chế được nên có những hành động và câu nói gây xúc phạm đến chị H, dẫn đến tình cảm hai bên rạn nứt nhiều. Mặc dù sống chung cùng một nhà nhưng cả hai đã ly thân 5 năm, không quan tâm đến nhau, mâu thuẫn vợ chồng hai bên nội ngoại đều biết. Tuy vậy anh T vẫn luôn yêu thương chị H rất nhiều nên mong muốn chị H rút đơn về cho anh cơ hội để vợ chồng hàn gắn cuộc hôn nhân là điều tốt nhất cho gia đình cho con cái. Hiện nay con còn nhỏ, rất cần có sự quan tâm chăm sóc của hai bên. Chị H kiên quyết anh T không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh T xác nhận anh và chị H có 01 con chung là Lưu T. M, sinh ngày 18/9/2016. Hiện nay cháu đang ở với ông bà ngoại (bố mẹ chị H) và cuối tuần thì anh và chị H có đi về chăm sóc cháu. Vì khi cháu còn nhỏ cháu rất yếu nên anh chị thống nhất để ông bà ngoại hỗ trợ chăm sóc cháu. Trường hợp phải ly hôn anh T có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh đang làm kinh doanh tại công ty của gia đình, với mức thu nhập 50 triệu đồng/tháng.

- Về tài sản chung (tài sản là động sản và bất động sản): Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa,*

Nguyên đơn chị Nguyễn Thu H xác nhận tình cảm vợ chồng của chị với anh T không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lưu Trung T. Về con chung: Chị có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nhà đất chung và các khoản nợ chung: Chị H không yêu cầu tòa án giải quyết.

Anh Lưu Trung T vắng mặt tại phiên tòa nên không trình bày quan điểm.

*\*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Tòa án nhân dân quận H thụ lý đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thu H với anh Lưu Trung T là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử xét xử

vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại điểm khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/UBTVQH quy định về án phí năm 2016.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thu H. Chị Nguyễn Thu H được ly hôn với anh Lưu Trung T.

- Về con chung: Giao con chung Lưu T. M, sinh ngày 18/9/2016 cho chị Nguyễn Thu H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nhà đất chung và các khoản nợ chung: Chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, sau phân hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thu H có đơn xin ly hôn đối với anh Lưu Trung T, trú tại Tòa HH03, chung cư E, 32 Đ. T, phường Đ, quận H, thành phố H N. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 21/7/2021, Tòa án nhân dân quận H mở phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án Ly hôn giữa chị Nguyễn Thu H và anh Lưu Trung T. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh T vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án đã hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 08 giờ 30 ngày 03/11/2021.

Tại phiên tòa hôm nay anh T tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thu H, căn cứ vào lời khai của các đương sự và các chứng cứ khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị Nguyễn Thu H và anh Lưu Trung T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn UBND thị trấn T, huyện L, tỉnh B vào ngày 12/10/2015 (theo giấy chứng nhận kết hôn số 75, quyển số 01/2015 ngày 12/10/2015). Đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, anh chị hòa thuận đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do hai bên bất đồng quan điểm lối sống, cả hai anh chị đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng và kéo dài nhiều năm nay.

Quá trình giải quyết Tòa án đã hòa giải tạo điều kiện anh chị cùng tháo gỡ mâu thuẫn để vợ chồng quay về đoàn tụ, tuy nhiên chị H kiên quyết yêu cầu ly hôn vì tình cảm vợ chồng của chị với anh T không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, anh T cũng xác định giữa anh chị H đã có rất nhiều mâu thuẫn, khó có thể khắc phục được, tuy nhiên tình cảm của anh giành cho chị H vẫn còn và vì con của anh chị còn nhỏ nên anh không đồng ý ly hôn. Tòa án cũng đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của anh chị tại chính quyền địa phương cũng như người thân của chị H thể hiện vợ chồng anh chị đã có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng luôn to tiếng xúc phạm nhau không tháo gỡ được, anh chị đã có thời gian dài sống ly thân và không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống vợ chồng muốn có hạnh phúc thì phải được xây dựng từ hai bên, là sự gắn kết thật sự tự nguyện của cả hai, với thực trạng hôn nhân của anh chị hiện nay đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị H xin ly hôn là có căn cứ, do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thu H là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung: Chị Nguyễn Thu H và anh Lưu Trung T xác nhận vợ chồng có một con chung Lưu T. M, sinh ngày 18/9/2016, hiện tại cháu M đang được bố mẹ chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết chị H và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tòa án có văn bản tham khảo ý kiến của Phòng lao động thương binh xã hội quận H, Thành phố H, là cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình và trẻ em, sau khi nhận được văn bản của Tòa án, Phòng Lao động TBXH có ý kiến để bảo đảm quyền lợi cho trẻ vị thành niên, nên giao con chung Lưu T. M cho chị Nguyễn Thu H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; Tại phiên tòa sau khi phân tích nguyên nhân điều kiện thực tế của chị H và anh T, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H đề nghị Hội

đồng xét xử giao con chung cho chị H chăm sóc là phù hợp. Xét về điều kiện nuôi con của hai bên, thấy rằng cả hai anh chị đều có đủ điều kiện kinh tế và tư cách nuôi dạy con trưởng thành, tuy nhiên con chung hiện nay đang còn nhỏ cần đến sự chăm sóc của mẹ hơn, cháu từ bé đã được ông bà ngoại (bố mẹ chị H) chăm sóc. Để tránh xáo trộn về tâm lý của con và đảm bảo quyền, lợi ích của con chưa thành niên khi bố mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử cần giao con chung Lưu T. M cho chị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Anh Lưu Trung T có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

2.3. Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Chị Nguyễn Thu H và anh Lưu Trung T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2.4. Về án phí: Chị Nguyễn Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án

2.5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

***Vì các lẽ trên;***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án và khoản 1.1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo nghị quyết.

**Xử:**

**[1].** Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thu H. Chị Nguyễn Thu H được ly hôn anh Lưu Trung T.

[2]. Về con chung: Giao con chung Lưu T. M, sinh ngày 18/9/2016 cho chị Nguyễn Thu H trực tiếp, chăm sóc và nuôi dưỡng kể từ ngày 03/11/2021. Chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên Tòa án không xét.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lưu Trung T có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

[3]. Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Chị Nguyễn Thu H và anh Lưu Trung T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4]. Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thu H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 6090 ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận H. Chị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thu H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lưu Trung T vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

**Nơi nhận**

- TAND TP. H;
- VKSND Q. H;
- Chi cục THADS Q. H;
- UBND thị trấn T, huyện L, tỉnh B (ĐKKH số 75 ngày 12/10/2015)
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.
- Lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Nguyễn Thị Hồng T**